TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/8/2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn

Bà Đỗ Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 274/2023/HNGĐ-TLST ngày 08/6/2023, về việc " *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn* ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 195/2023/QĐ-ST ngày 25 tháng 7 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T,** sinh ngày 28/01/1990.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện L, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

2. Bị đơn : Anh **Phạm Công Th**, sinh ngày 21/9/1990.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã Q, huyện L, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Singapore.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị T1,** sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện L, tỉnh Hải Dương.

(Chị T, anh Th, bà T1 có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:* Chị và anh Th tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh Hải Dương ngày 23/9/2009. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Năm 2013 anh Th đi Đài Loan lao động, đến năm 2014 chị cũng đi Đài Loan lao động, tuy nhiên mỗi người ở một nơi không quan tâm đến nhau. Khi hết hạn hợp đồng lao động anh Th về Việt Nam, khoảng năm 2022 anh Th tiếp tục sang Singapore lao động. Chị và anh Th sống ly thân, không gặp nhau từ năm 2013 cho đến nay. Tháng 5/2023 chị về Việt Nam thăm gia đình, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Về con chung : Chị và anh Th có một con chung là Phạm Công Q, sinh ngày 18/6/2010. Hiện tại cháu Q đang ở cùng với ông bà nội, ly hôn do chị tiếp tục quay lại Đài Loan làm việc, nên để ổn định cuộc sống của cháu Q, chị đồng ý để anh Th nuôi con, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cùng cùng anh Th 2.000.000đ/tháng. Trong thời gian anh Th không có mặt ở Việt Nam, chị đồng ý để cháu Q sống cùng ông bà nội là ông Phạm Công Th1 và bà Nguyễn Thị T1.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Th không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T tự nguyện chịu cả án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Công Th hiện nay đang lao động tại Singapore, do chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Th nên Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh Th tại gia đình. Bà Nguyễn Thị T1 là mẹ đẻ anh Th cung cấp, năm 2022 anh Th đi Singapore lao động, từ khi đi anh Th chưa về Việt Nam. Địa chỉ của anh Th ở nước ngoài bà không biết, nên bà không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên anh Th thường xuyên gọi điện thoại về gia đình. Mâu thuẫn giữa chị T và anh Th xảy ra từ lâu, mỗi người sống một nơi không quan tâm đến nhau. Bà T1 đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Th biết. Sau khi được thông báo, qua gia đình anh Th có quan điểm: Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T có đơn xin ly hôn anh cũng đồng ý. Về con chung anh Th có nguyện vọng được nuôi con. Trong thời gian anh không ở Việt Nam anh ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị

T1 chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Công Q. Về tài sản chung, nợ chung không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh đề nghị được giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Bà là mẹ đẻ anh Th, từ nhỏ cháu Q được bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà đồng ý nhận ủy quyền của anh Th chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Quyết trong thời gian anh Th không ở Việt Nam. Bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Cháu Phạm Công Q là con chung của chị T, anh Th có quan điểm: Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với bố.Trong thời gian bố mẹ không ở Việt Nam cháu có nguyện vọng được ở với ông bà nội.

Ngày 18/6/2023 chị T quay lại Đài Loan làm việc và ủy quyền cho ông Ninh Văn L nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu Tẫn giữa chị T và anh Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị T được ly hôn anh Th. Về con chung: Giao cháu Phạm Công Q, sinh ngày 18/6/2010 cho anh Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh Th không ở Việt Nam, tạm giao cháu Q cho bà Nguyễn Thị T1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh Th 2.000.000đ/tháng. Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Công Th đều có hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại: Thôn Đ, xã Q, huyện L, tỉnh Hải Dương. Hiện tại chị T lao động tại Đài Loan, anh Th lao động tại Singapore. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Ngày 27/5/2023 chị T về Việt Nam để làm thủ tục ly hôn với anh Th. Đến ngày 18/6/2023 chị T tiếp tục sang Đài Loan lao động. Quá trình giải

quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ của anh Th ở Singapore. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân tối cao, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh Th cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình được biết, anh Th thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T1. Bà T1 đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Th biết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Thông qua gia đình, anh Th ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T1 chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Công Q, nên Hội đồng xét xử xác định bà T1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị T và anh Phạm Công Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh Hải Dương ngày 23/9/2009, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù 2 vợ chồng có thời gian cùng lao động tại Đài Loan nhưng mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn anh Th. Thông qua gia đình, anh Th cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. Do vậy có cơ sở xác định mâu Tẫn giữa chị T với anh Th đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

- *Về quan hệ con chung:* Chị Phạm Thị T và anh Phạm Công Th có một con chung là Phạm Công Q, sinh ngày 18/6/2010. Ly hôn chị T có quan điểm để anh Th nuôi con, anh Th đồng ý. Xét thấy, do anh Th và chị T đều ở nước ngoài nên hiện tại cháu Quyết ở cùng ông bà nội, được chăm sóc, học tập tốt. Do đó, để ổn định cuộc sống của cháu, cần tiếp tục giao cháu Q cho anh Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh Th không ở Việt Nam, tạm giao cháu Q cho bà Nguyễn Thị T1 chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận

sự tự nguyện của chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th là 2.000.000đ/tháng.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4].Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Phạm Công Th.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Phạm Công Q, sinh ngày 18/6/2010 cho anh Phạm Công Th chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con tròn 18 tuổi. Trong thời gian anh Th không ở Việt Nam, tạm giao cháu Q cho bà Nguyễn Thị T1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh Th 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 8/2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Chị Phạm Thị T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi anh Th có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị T không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa Tận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa Tận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai T số AA/2022/0000809 ngày 08 tháng 6 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị T còn phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T, anh Phạm Công Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THA tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Q;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị T Hiền